

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Số tự nhiên ,dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3	Số câu	2						2	
	Số điểm	1,0						1,0	
Bốn phép tính với số tự nhiên			1						1
			2,0						2,0
Tìm thành phần chưa biết là số tự nhiên					1				1
					1,0				1,0
Tính giá trị biểu thức số tự nhiên có hai phép tính. Tính giá trị biểu thức một cách thuận tiện					1	1		1	1
					1,0	0,5		0,5	1,0
Đại lượng và đo đại lượng: đổi đơn vị đo khối lượng; thời gian.	Số câu	1						1	
	Số điểm	1,0						1,0	
Yếu tố hình học: Hai đường thẳng vuông góc, diện tích hình chữ nhật.	Số câu						1		1
	Số điểm						1,0		1,0
Giải bài toán về tìm số trung bình cộng;	Số câu			1				1	
	Số điểm			0,5				0,5	
Giải toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó;	Số câu						1		1
	Số điểm						2,0		2,0
Tổng	Số câu	3	1	1	2	1	2	5	5
	Số điểm	2,0	2,0	0,5	2,0	0,5	3,0	3,0	7,0

Trường Tiểu học Bắc Hưng

KIỂM TRA CUỐI KỲ I - LỚP 4

Năm học 2015- 2016

Môn: Toán

Thời gian: 40 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1. Viết số vào chỗ chấm: (0.5 điểm)

a. Số gồm 500 triệu, 8 triệu, 4 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 6 nghìn và 8 đơn vị viết là:

b. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: (0.5 điểm)

Số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 3, vừa cho hết cho 5 là:

a. 50750 b. 47 850 c. 58007 d. 50785

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống: (1 điểm)

a. 2 giờ 25 phút = 145 phút ☐

b. 3 tấn 25 kg = 325 kg ☐

c. $15 \text{ dm}^2 6 \text{ cm}^2 = 156 \text{ cm}^2$ ☐

d. $\frac{1}{4}$ phút = 15 phút ☐

3. Điền phép tính thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

a. Số trung bình cộng của 25; 45; 56; 75 và 84 là:

b. Tính thuận tiện:

$$(87 \times 24) : 8$$

II. PHẦN TỰ LUẬN

1. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$115248 + 92816$$

$$58872 - 42958$$

$$2148 \times 206$$

$$9726 : 29$$

2. a. Tìm x: (1 điểm)

$$1855 : x = 35$$

b. **Tính giá trị biểu thức:** (1 điểm)

$$10720 \times 48 - 253748$$

3. (2 điểm)

Cả hai ngày, cửa hàng lương thực nhập về tất cả 3 tấn 5 tạ thóc. Biết rằng ngày thứ nhất nhập về ít hơn ngày thứ hai là 5 tạ thóc. Hỏi:

- Mỗi ngày cửa hàng nhập về bao nhiêu tạ thóc?
- Số gạo ngày thứ hai được đóng vào bao, mỗi bao 50kg. Tính số bao cửa hàng cần dùng?

Giải

.....

.....

.....

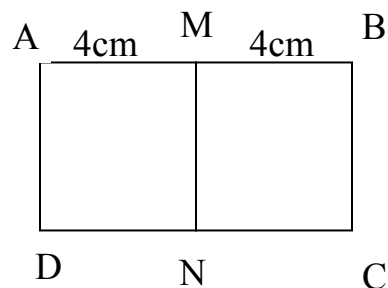
.....

.....

.....

Câu 7: Biết AMND và BMNC là hai hình vuông có cạnh 4cm. (1đ)

- Cạnh AB vuông góc với.....
- Tính diện tích hình chữ nhật ABCD?



**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM MÔN TOÁN KHỐI 4
CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2015 – 2016**

Câu 1: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

a. 508 436 008

b. 47850

Câu 2: (1 điểm) đúng được 2 dòng 0,5 điểm.

đúng 3 dòng trở lên được 0.5 đ

Đ/ S/ S/ S

Câu 3: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

a. $(25 + 45 + 56 + 75 + 84) : 5 = 57$

b. $(87 \times 24) : 8 = 87 \times (24 : 8) = 261$

Câu 4: (1 điểm) Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

$115248 + 92816 = 208064$

$58872 - 42958 = 15914$

$2148 \times 206 = 442486$

$9726 : 29 = 319 \text{ dư } 25$

Câu 5: 1 điểm

a. Mỗi bước đúng được 0,5 điểm.

b. Đúng bước 1 : 0,5 điểm. Kết quả đúng : 0,5 điểm

a. $1855 : x = 35$

b $10720 \times 48 - 253748$

$x = 1855 : 35$

$= 514560 - 253748$

$x = 53$

$= 5160812$

Câu 6 : (2 điểm) Đúng bước một : 0.5 điểm.

Đúng bước hai: 0,5 điểm.

Đúng bước ba: 0,5 điểm

Hai lần đổi đơn vị 0.5 đ,

Giải

3 tấn 5 tạ = 35 tạ

Ngày thứ nhất nhập về là:

$(35 - 5) : 2 = 15$ (tạ)

Ngày thứ hai nhập về là:

$35 - 15 = 20$ (tạ)

Số bao của hàng cần dùng là:

$20 \text{ tạ} = 20000 \text{kg}$

$20000 : 50 = 400$ (bao)

Đáp số: a. 15 tạ; 20 tạ

b. 400 bao

Đáp số sai hoặc không đáp số trừ 0,5 điểm

Câu 7: Cạnh AB vuông góc với cạnh AD; MN và BC. (0.5 đ)

Chiều dài hình chữ nhật ABCD là:

$4 \times 2 = 8$ (cm)

Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$8 \times 4 = 32$ (cm²)

Đáp số: 32cm^2 0.5 đ
Đáp số sai hoặc không đáp số trừ 0,5 điểm